NH SECURITIES VIETNAM

# BẢN TIN HÀNG NGÀY

18 tháng 5 năm 2026

# Nhóm cổ phiếu nhà nước lại nổi sóng

- Vn-Index giảm trong phiên sáng, nhưng lại quay sang tăng nhẹ trong phiên chiều
- Nhóm cổ phiếu nhà nước nổi sóng với hàng loạt mã tăng tốt như ngân hàng (VCB BID CTG), dầu khí, BVH GVR VGI POW
- Ngoài ra, nhóm chứng khoán cũng tăng trên diện rộng, nhưng mỗi mã cũng chỉ tăng nhẹ
- Ngược lại, nhóm VIN (VIC VRE VHM) lại đều giảm, và đóng góp 8.7 điểm vào chiều giảm
- Số lượng mã giảm vẫn gấp 1.3 lần số mã tăng, cho thấy độ rộng thị trường vẫn thiên về chiều giảm
- Giá trị giao dịch khớp lệnh trên sàn HOSE tăng 13.6% so với ngày trước đó

| | HOSE | HNX | UPCOM |
|---|---|---|---|
| Đóng cửa | 1,927.9 | 259.3 | 125.9 |
| (+/-) | 6.34 | 1.83 | -0.5 |
| (%) | 0.33% | 0.71% | -0.40% |
| Khối lượng giao dịch (Triệu cp) | 821 | 98 | 51 |
| Giá trị giao dịch (Tỷ VND) | 26,658 | 1,940 | 672 |
| Giao dịch khối ngoại (Tỷ VND) | (589) | (36) | (12) |
| Số mã tăng | 135 | 79 | 118 |
| Số mã giảm | 178 | 69 | 108 |
| Số mã giá không đổi | 56 | 51 | 86 |

# 1.
## Nhận định thị trường

- Nhóm cổ phiếu nhà nước hôm nay bùng nổ nhờ thông tin Chính phủ sẽ họp với 23 Tập đoàn, Tổng công ty nhà nước trong ngày mai
- Chúng ta nhớ lại sóng nhà nước hồi đầu năm nay đã tăng rất mạnh và kéo dài trong khoảng 1 tháng
- Sóng lần này tất nhiên đã ít bất ngờ hơn lần trước, nên mức độ tăng và thời gian tăng có thể sẽ ít hơn, nhưng chúng tôi kỳ vọng sóng sẽ kéo dài được khoảng 2 tuần
- Những cổ phiếu nhà nước mới tăng là ngân hàng (BID VCB CTG) dầu khí (PVT GAS PLX PVS) và khác (BVH VGI BCM)

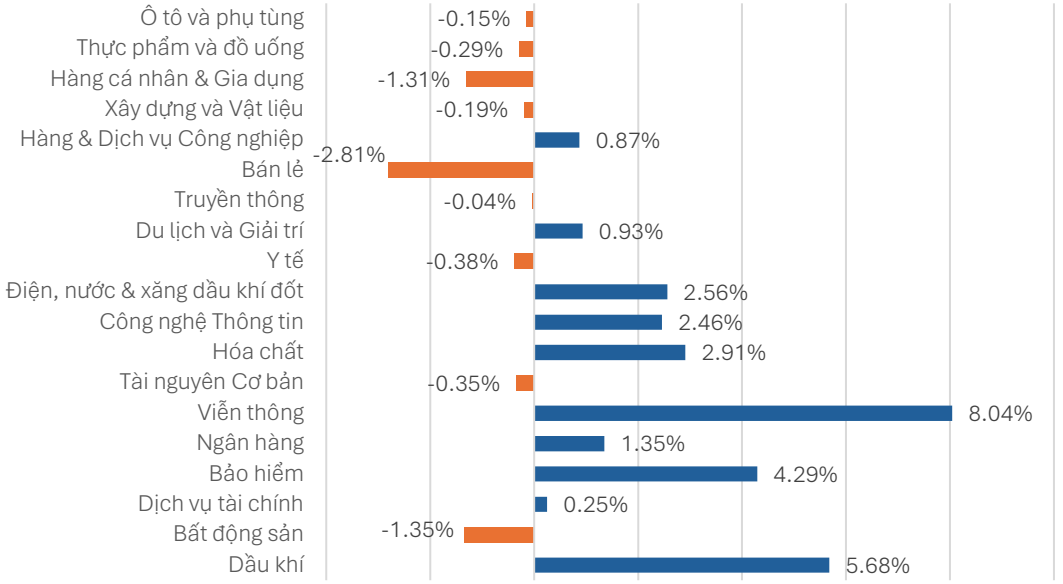


| STT | Nhóm ngành | PE | PB |
|---|---|---|---|
| 1 | Dầu khí | 13.89 | 1.96 |
| 2 | Nguyên vật liệu | 13.64 | 1.62 |
| 3 | Công nghiệp | 13.56 | 1.84 |
| 4 | Hàng Tiêu dùng | 13.88 | 2.32 |
| 5 | Dược phẩm và Y tế | 15.75 | 1.57 |
| 6 | Dịch vụ Tiêu dùng | 19.26 | 3.52 |
| 7 | Viễn thông | 22.48 | 5.80 |
| 8 | Tiện ích Cộng đồng | 13.11 | 1.84 |
| 9 | Tài chính | 21.87 | 3.04 |
| 10 | Ngân hàng | 9.40 | 1.52 |
| 11 | Công nghệ Thông tin | 13.32 | 2.63 |

# 2.
## Hiệu suất cổ phiếu theo ngành

| Ngân hàng | | Bất động sản | | Chứng khoán | | Thực phẩm | | Xây dựng | | Nguyên liệu CB | | Tiện ích | | Hóa chất | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| BID | 5.47% | BCM | 4.07% | HCM | 2.96% | SBT | 1.73% | CTR | 2.83% | PTB | 2.34% | HNA | 5.76% | DPM | 4.26% |
| VCB | 4.12% | VPI | 1.78% | DSE | 2.23% | VNM | 1.17% | VGC | -0.23% | ACG | 0.00% | GAS | 4.03% | GVR | 4.11% |
| LPB | 1.55% | CRE | 0.67% | EVF | 1.83% | VCF | 0.00% | HTI | -0.63% | HPG | -0.38% | PGV | 1.91% | DCM | 2.86% |
| CTG | 1.40% | HDC | 0.53% | VIX | 1.33% | BHN | 0.00% | CII | -0.79% | NKG | -0.72% | PGD | 1.73% | VFG | 2.04% |
| SSB | 0.30% | KBC | 0.00% | SSI | 0.90% | PAN | -0.15% | HHV | -0.83% | HSG | -0.83% | TDM | 1.58% | CSV | 1.53% |
| MSB | 0.00% | PDR | 0.00% | VCI | 0.59% | SAB | -0.31% | PC1 | -1.12% | DHC | -0.97% | POW | 1.42% | AAA | 0.42% |
| NAB | 0.00% | IJC | -0.10% | DSC | 0.38% | MCM | -0.35% | BMP | -1.72% | | | REE | 0.70% | DGC | 0.19% |
| OCB | 0.00% | DXS | -0.24% | BCG | 0.00% | KDC | -0.41% | VCG | -1.85% | | | SHP | 0.59% | PHR | -1.40% |
| VIB | 0.00% | KOS | -0.26% | VDS | -0.74% | ANV | -0.44% | CTD | -4.44% | | | BWE | 0.23% | DPR | -1.58% |
| TCB | -0.15% | DIG | -0.67% | | | FMC | -0.85% | | | | | NT2 | 0.22% | | |
| VPB | -0.36% | QCG | -0.75% | | | DBC | -1.11% | | | | | CHP | 0.18% | | |
| HDB | -0.36% | KDH | -0.85% | | | MSN | -1.29% | | | | | GEG | 0.00% | | |
| MBB | -0.58% | NVL | -0.87% | | | BAF | -1.42% | | | | | TMP | 0.00% | | |
| EIB | -0.69% | TCH | -0.89% | | | ASM | -1.50% | | | | | PPC | -0.20% | | |
| SHB | -0.72% | DXG | -0.93% | | | VHC | -1.67% | | | | | VSH | -0.23% | | |
| STB | -1.10% | SIP | -1.11% | | | HAG | -2.48% | | | | | | | | |
| TPB | -1.27% | NLG | -1.13% | | | | | | | | | | | | |
| ACB | -1.29% | HDG | -1.21% | | | | | | | | | | | | |
| | | VIC | -1.32% | | | | | | | | | | | | |
| | | SZC | -1.35% | | | | | | | | | | | | |
| | | SJS | -1.43% | | | | | | | | | | | | |
| | | VHM | -2.53% | | | | | | | | | | | | |
| | | VRE | -2.65% | | | | | | | | | | | | |

# 3.
## Giao dịch khối ngoại

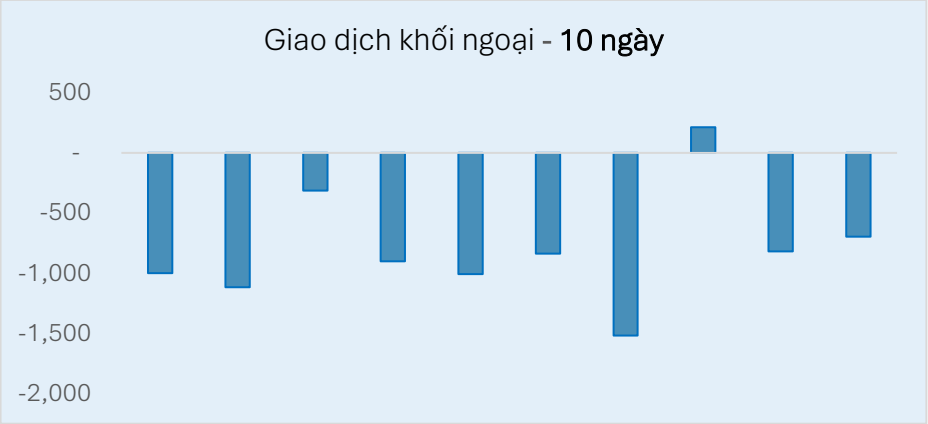


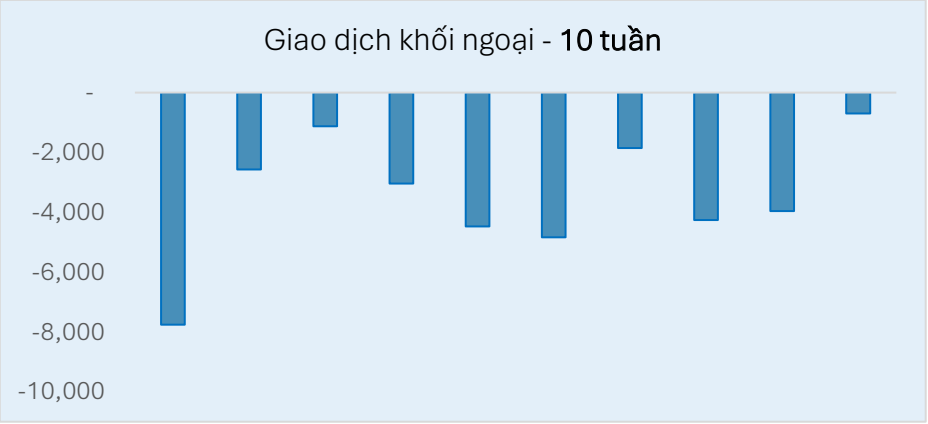


Top **mua** ròng

| STT | Mã | Sàn | Giá trị mua | Giá trị bán | Giá trị ròng |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | VCB | HOSE | 256.73 | 25.16 | *231.57* |
| 2 | VNM | HOSE | 111.67 | 14.12 | *97.55* |
| 3 | MSB | HOSE | 72.43 | 6.89 | *65.54* |
| 4 | BID | HOSE | 75.61 | 20.86 | *54.75* |
| 5 | HDB | HOSE | 48.46 | 12.20 | *36.27* |
| 6 | CEO | HNX | 28.58 | 0.46 | *28.12* |
| 7 | TCB | HOSE | 38.91 | 11.90 | *27.00* |
| 8 | DXG | HOSE | 24.08 | 4.13 | *19.95* |
| 9 | DPM | HOSE | 26.73 | 7.11 | *19.62* |
| 10 | CTG | HOSE | 39.13 | 22.08 | *17.05* |
| 11 | EVF | HOSE | 20.17 | 3.19 | *16.98* |
| 12 | VJC | HOSE | 21.17 | 5.66 | *15.52* |
| 13 | LPB | HOSE | 18.49 | 4.95 | *13.54* |
| 14 | GEE | HOSE | 29.38 | 16.51 | *12.87* |
| 15 | NAF | HOSE | 12.86 | 1.02 | *11.84* |

Top **bán** ròng

| STT | Mã | Sàn | Giá trị mua | Giá trị bán | Giá trị ròng |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | ACB | HOSE | 3.46 | 173.47 | *- 170.00* |
| 2 | HPG | HOSE | 21.09 | 156.60 | *- 135.51* |
| 3 | VHM | HOSE | 124.79 | 197.83 | *- 73.03* |
| 4 | GAS | HOSE | 17.77 | 87.92 | *- 70.15* |
| 5 | FPT | HOSE | 213.06 | 282.99 | *- 69.93* |
| 6 | MSN | HOSE | 7.81 | 72.64 | *- 64.83* |
| 7 | CTD | HOSE | 1.10 | 62.64 | *- 61.54* |
| 8 | VPB | HOSE | 21.16 | 73.66 | *- 52.50* |
| 9 | STB | HOSE | 53.52 | 104.67 | *- 51.15* |
| 10 | MWG | HOSE | 79.22 | 128.78 | *- 49.56* |
| 11 | TPB | HOSE | 2.87 | 51.69 | *- 48.82* |
| 12 | PVD | HOSE | 24.00 | 63.95 | *- 39.95* |
| 13 | PNJ | HOSE | 8.65 | 47.90 | *- 39.25* |
| 14 | PVS | HNX | 48.22 | 85.74 | *- 37.52* |
| 15 | POW | HOSE | 12.03 | 48.60 | *- 36.57* |

# 4.
## Cập nhật vĩ mô

| | Gần nhất | 1D | 1W | YTD |
|---|---|---|---|---|
| Giá dầu Brent (USD/thùng) | 109.26 | 3.35% | 7.87% | 79.56% |
| Giá dầu WTI (USD/thùng) | 105.42 | 4.20% | 10.48% | 83.59% |
| Giá vàng thế giới (USD/ounce) | 4,540.07 | -2.41% | -3.71% | 4.96% |
| Tỷ giá trung tâm (USD/VND) | 25,131 | 0.00% | 0.05% | 0.04% |
| Tỷ giá bán Vietcombank (USD/VND) | 26,387 | 0.00% | 0.05% | 0.04% |
| Tỷ giá bán TT tự do (USD/VND) | 26,530 | 0.53% | 0.23% | -1.08% |
| Lãi suất qua đêm – Liên ngân hàng | 6.05% | -0.27% | 0.33% | 4.28% |
| Lợi suất trái phiếu chính phủ 1 năm | 3.51% | 0.00% | 0.00% | 0.44% |
| Lợi suất trái phiếu chính phủ 3 năm | 3.65% | 0.00% | -0.01% | 0.47% |

### NHNN hút ròng gần 5.900 tỷ tuần qua

Trong tuần từ 11/5 - 15/5 vừa qua, Ngân hàng Nhà nước (NHNN) đã tiếp tục hút ròng gần 5.900 tỷ đồng sau khi tuần trước vừa hơm ròng hơn 15.800 tỷ đồng.

Ngoài ra, lãi suất liên ngân hàng  trong thời gian từ tháng 4 trở lại đây cũng duy trì dao động trong khoảng hẹp. Tính đến cuối tuần trước, lãi suất qua đêm bình quân trên thị trường dừng ở mức 6,05%/năm.

### Ngày 19/5, Chính phủ và lãnh đạo 23 tập đoàn, Tổng công ty Nhà nước họp cơ cấu lại vốn nhà nước

Theo Văn bản số 849/VPCP-TH ngày 17/5/2026 của Văn phòng Chính phủ, Phó Thủ tướng Nguyễn Văn Thắng sẽ chủ trì cuộc họp với lãnh đạo các bộ ngành, địa phương và 23 tập đoàn, tổng công ty nhà nước vào sáng 19/5 để xem xét dự thảo tiêu chí phân loại và cơ cấu lại vốn nhà nước.

# 5.
## Bản tin doanh nghiệp

### PDR: Phát Đạt thoái 30% vốn tại Công ty phát triển đô thị Tam Hiệp

Ngày 15/5/2026, Công ty cổ phần Phát triển Bất động sản Phát Đạt (PDR) đã hoàn tất chuyển nhượng 33 triệu cổ phần, tương ứng 30% vốn điều lệ tại CTCP phát triển Đô thị Tam Hiệp. CTCP Phát triển Đô thị Tam Hiệp được thành lập tháng 12/2025 và đã trúng đấu giá khu đất gần 27.5 ngàn m2 tại phường Tam Hiệp, tỉnh Đồng Nai vào cuối năm ngoái.

Ngoài ra, ngày 15/5 PDR cũng thông qua kế hoạch tăng vốn điều lệ thông qua việc chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu. PDR dự kiến chào bán 199,56 triệu cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu với giá 10.000 đồng/cp. Tỷ lệ thực hiện quyền mua là 5:1

### Doanh thu của WinCommerce (WCW) tiếp tục tăng 26,9% trong tháng 4/2026

WinCommerce vừa công bố tình hình kinh doanh tháng 4/2026 với tổng doanh thu 3.656 tỷ đồng, tăng 26,9% so với cùng kỳ và tiếp tục mở rộng thêm 123 cửa hàng mới, nâng tổng số cửa hàng lên 4.940 cửa hàng. Động lực tăng trưởng trong tháng 4 tiếp tục đến từ WinMart+ Nông thôn ghi nhận doanh thu tăng 57%, lên 1.004 tỷ đồng; doanh thu chuỗi WinMart+ thành thị tăng 20,2%, lên 1.004 tỷ đồng.

Lũy kế 4 tháng đầu năm 2026, WCW ghi nhận tổng doanh thu đạt 15.019 tỷ đồng, tăng 28,7% so với cùng kỳ và mở mới 348 cửa hàng.

### PC1: Chủ tịch và Tổng giám đốc PC1 cùng nhiều lãnh đạo bị khởi tố

Ngày 16/5, CTCP Tập đoàn PC1 (PC1) công bố thông tin bất thường liên quan đến việc nhận được công văn của Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an về xử lý hành vi vi phạm pháp luật của một số cá nhân tại công ty.

Trong thời gian vừa qua các nhân sự phê duyệt BCTC của PC1 phải phối hợp làm việc với cơ quan điều tra và đến nay đã bị khởi tố, tạm giam, Công ty chưa thể công bố BCTC QI/2026 đúng theo quy định.

Ngoài ra, Ban kiểm soát PC1 đã ban hành nghị quyết về việc triệu tập đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2026, dự kiến trong tháng 7.

# 6.
## Lịch sự kiện

| Mã | Ngày GDKHQ | Ngày thực hiện | Sự kiện | Tỷ lệ thực hiện | Giá trị |
|---|---|---|---|---|---|
| APF | 19/05/2026 | 11/06/2026 | Trả cổ tức bằng tiền mặt | 15% | 1,500 |
| BMP | 19/05/2026 | 10/6/2026 | Trả cổ tức bằng tiền mặt | 83.6% | 8,360 |
| BSQ | 19/05/2026 | 04/6/2026 | Trả cổ tức bằng tiền mặt | 15% | 1,500 |
| CID | 19/05/2026 | 12/06/2026 | Trả cổ tức bằng tiền mặt | 15% | 1,500 |
| CMS | 19/05/2026 | 15/06/2026 | Trả cổ tức bằng tiền mặt | 5% | 500 |
| HPO | 19/05/2026 | 04/06/2026 | Trả cổ tức bằng tiền mặt | 5% | 500 |
| MTS | 19/05/2026 | 16/06/2026 | Trả cổ tức bằng tiền mặt | 8% | 800 |
| NCS | 19/05/2026 | 22/06/2026 | Trả cổ tức bằng tiền mặt | 33% | 3,300 |
| PVO | 19/05/2026 | 29/05/2026 | Trả cổ tức bằng tiền mặt | 1% | 100 |
| SBM | 19/05/2026 | 05/06/2026 | Trả cổ tức bằng tiền mặt | 10% | 1,000 |
| SKH | 19/05/2026 | 05/06/2026 | Trả cổ tức bằng tiền mặt | 13.5% | 1,350 |
| SSC | 19/05/2026 | 19/06/2026 | Trả cổ tức bằng tiền mặt | 10% | 1,000 |
| TCB | 19/05/2026 | 10/06/2026 | Trả cổ tức bằng tiền mặt | 7% | 700 |
| TCL | 19/05/2026 | 17/07/2026 | Trả cổ tức bằng tiền mặt | 25% | 2,500 |
| TMC | 19/05/2026 | 29/05/2026 | Trả cổ tức bằng tiền mặt | 4.5% | 450 |

# 7.

## Số liệu thị trường

### NHÓM ẢNH HƯỞNG MẠNH TỚI CHỈ SỐ

BIỂU ĐỒ PHÂN TÁN

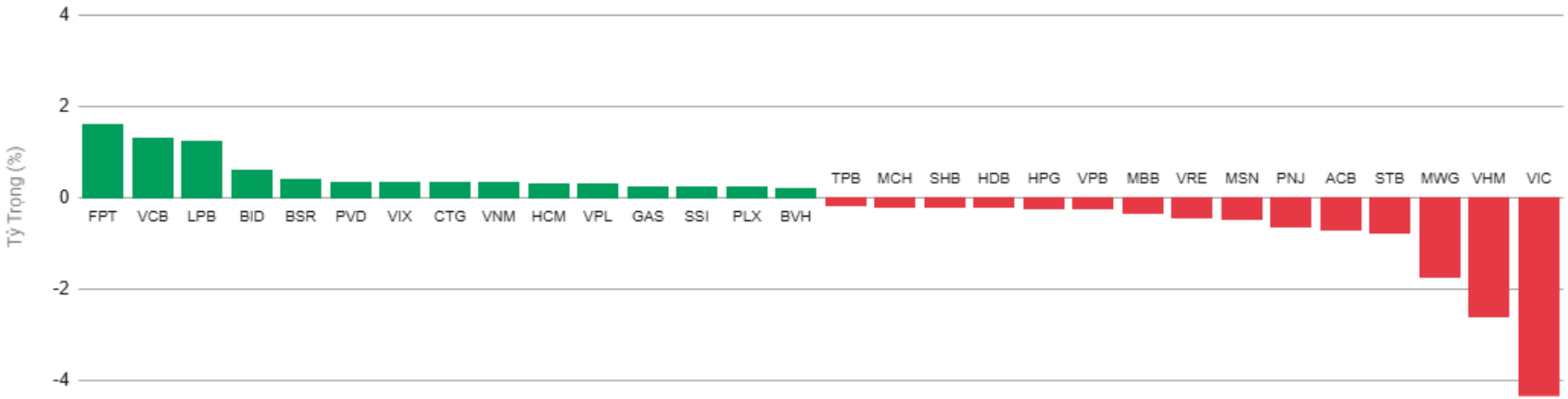


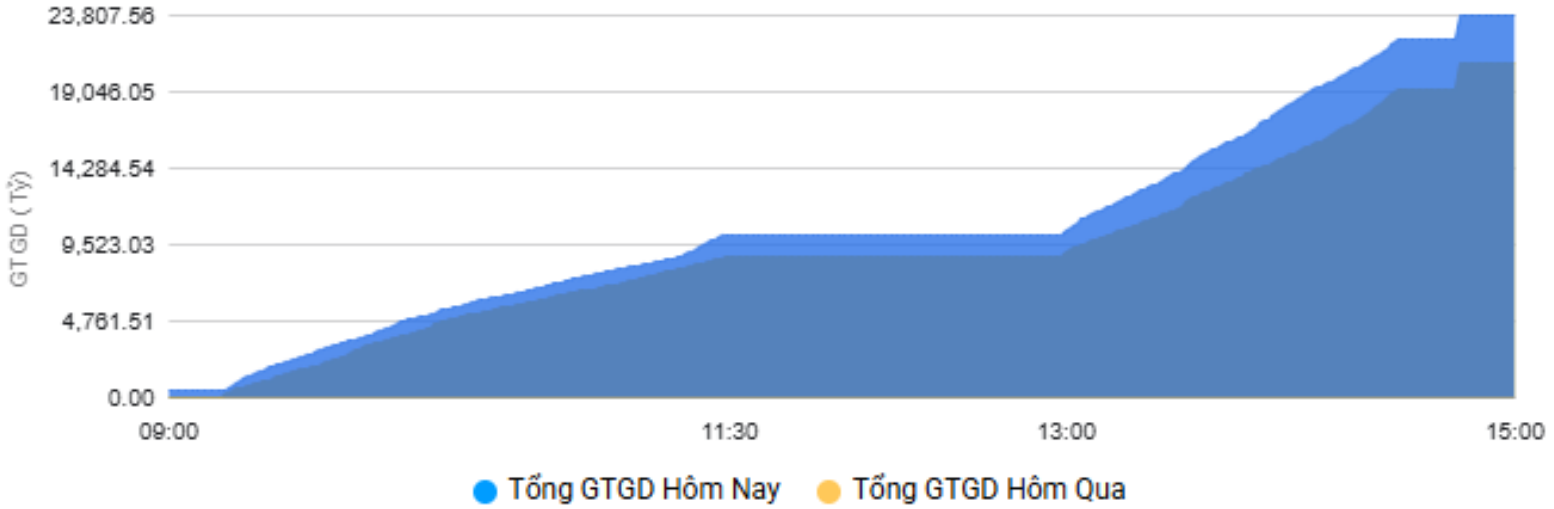

# 8.

## Khuyến nghị của NHSV Research

| CPPVT | Ngày đánh giá lần đầu | Ngày định giá lại gần nhất | Giá mục tiêu (sau điều chỉnh) | Giá hiện tại (18/05/2026) | % | Báo cáo lần đầu | Báo cáo cập nhật gần nhất |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| VPB | 20/5/2024 | 09/04/2026 | 32,381 | 27,450 | 18.0% | Link | Link |
| TPB | 1/7/2024 | 23/03/2026 | 23,493 | 15,500 | 51.6% | Link | Link |
| TCB | 12/8/2024 | 25/03/2026 | 37,000 | 34,000 | 8.8% | Link | Link |
| MBB | 29/8/2024 | 27/3/2026 | 30,380 | 25,500 | 19.1% | Link | Link |
| ACB | 23/9/2024 | 20/03/2026 | 28,750 | 23,000 | 25.0% | Link | Link |
| HDB | 15/10/2024 | 1/4/2026 | 32,191 | 27,450 | 17.3% | Link | Link |
| CTG | 28/11/2024 | 27/03/2026 | 40,200 | 36,300 | 10.7% | Link | Link |
| VCB | 24/2/2025 | 11/3/2026 | 72,000 | 63,200 | 13.9% | Link | Link |
| BID | 20/3/2025 | 17/3/2026 | 47,720 | 45,300 | 5.3% | Link | Link |
| STB | 14/5/2025 | 31/03/2026 | 58,700 | 72,100 | -18.6% | Link | Link |
| HPG | 13/01/2025 | 9/2/2026 | 33,700 | 26,450 | 27.4% | Link | Link |
| HSG | 14/02/2025 | 4/3/2026 | 12,420 | 12,000 | 3.5% | Link | Link |
| NKG | 7/3/2025 | 12/2/2026 | 15,950 | 13,700 | 16.4% | Link | Link |
| GMD | 27/05/2025 | 27/2/2026 | 89,400 | 79,700 | 12.2% | Link | Link |
| VSC | 18/06/2025 | 6/3/2026 | 27,450 | 21,450 | 28.0% | Link | Link |
| HAH | 31/3/2025 | 5/3/2026 | 75,400 | 57,400 | 31.4% | Link | Link |

# 8.

## Khuyến nghị của NHSV Research

| CPPVT | Ngày đánh giá lần đầu | Ngày định giá lại gần nhất | Giá mục tiêu (sau điều chỉnh) | Giá hiện tại (18/05/2026) | % | Báo cáo lần đầu | Báo cáo cập nhật gần nhất |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| NLG | 30/9/2024 | 13/11/2025 | 45,000 | 26,200 | 71.8% | Link | Link |
| KDH | 23/10/2024 | 20/11/2025 | 42,000 | 23,200 | 81.0% | Link | Link |
| DXG | 15/11/2024 | 4/12/2025 | 20,800 | 15,900 | 30.8% | Link | Link |
| DXS | 15/1/2025 | 4/12/2025 | 12,000 | 8,480 | 41.5% | Link | Link |
| KBC | 22/1/2025 | 27/11/2025 | 40,500 | 32,050 | 26.4% | Link | Link |
| BCM | 4/8/2024 | 15/12/2025 | 83,000 | 56,200 | 47.7% | Link | Link |
| VRE | 21/3/2025 | 7/11/2025 | 30,000 | 33,100 | -9.4% | Link | Link |
| VHM | 29/4/2025 | 5/11/2025 | 87,200 | 154,000 | -43.4% | Link | Link |
| HDC | 5/6/2025 | 30/01/2026 | 24,200 | 19,000 | 27.4% | Link | Link |
| PDR | 30/6/2025 | 19/03/2026 | 18,600 | 16,550 | 12.4% | Link | Link |
| PVT | 17/7/2025 | 10/3/2026 | 29,750 | 25,300 | 17.6% | Link | Link |
| VCG | 29/8/2025 | 18/3/2026 | 23,700 | 21,200 | 11.8% | Link | Link |
| CTD | 24/9/2025 | 13/3/2026 | 87,650 | 73,200 | 19.7% | Link | Link |
| FRT | 5/2/2026 | 05/02/2026 | 170,000 | 134,000 | 26.9% | Link | Link |
| MWG | 13/2/2026 | 13/2/2026 | 107,500 | 79,000 | 36.1% | Link | Link |
| PVD | 3/03/2026 | 3/3/2026 | 40,500 | 35,800 | 13.1% | Link | Link |
| DGW | 23/04/2026 | 23/04/2026 | 49,000 | 42,000 | 16.7% | Link | Link |

Trụ sở chính

Tầng 9, tòa tháp Đông, Lotte Center Hà Nội, số 54 Liễu Giai, phường Giảng Võ, Hà Nội

Hotline:1900.1055

Chi nhánh Hà Nội

Tầng trệt tòa Somerset Grand Hanoi & Phòng 505, tầng 5 Tòa Tháp Hà Nội, số 49 Hai Bà Trưng, phường Cửa Nam, Hà Nội

Hotline: 1900.1055

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 3, tòa nhà President Place, Số 93 Nguyễn Du, Phường Sài Gòn, TP HCM

Hotline: 0283.838.5917



**TUYÊN BỐ MIỄN TRÁCH**

Báo cáo này thuộc sở hữu của NHSV. Mọi hành vi sao chép, in ấn khi không có sự cho phép của NHSV đều bị nghiêm cấm. Báo cáo này không nên được coi là một lời đề nghị giao dịch mua bán bất kỳ cổ phiếu nào. Mặc dù những thông tin, dự báo và nhận định trong báo cáo này được dựa trên các nguồn thông tin đáng tin cậy, NHSV không thể khẳng định sự chính xác và hoàn thiện của các nguồn thông tin này. NHSV sẽ không chịu trách nhiệm trước bất kỳ thiệt hại, mất mát nào đến từ việc sử dụng bất kỳ thông tin, nhận định nào đến từ báo cáo này.